

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình vận hành các công dưới đê

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 206/TTr-SNN-CCTL ngày 22/02/2023 về việc ban hành Quy trình vận hành công trình công dưới đê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành công trình các công dưới đê.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /M

Nơi nhận: *MK*

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, công TT ĐT;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Qu
Vương Quốc Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÁC CÔNG DƯỚI ĐÊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình công dưới đê đều phải tuân thủ theo:

1. Luật

- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Khí tượng Thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nghị định, thông tư, quyết định

- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/06/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 6/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; thủy lợi, đê điều;

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;
- Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 04:05:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 8412:2020 Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập quy trình vận hành;
- TCVN 8643:2020 Công trình thủy lợi - Cấp hạn hán đối với nguồn nước tưới và cây trồng được tưới;
- TCVN 8304:2009 Công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi;

Và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành công trình công dưới đê

1. Nguyên tắc chung

a) Công chỉ được vận hành theo đúng nhiệm vụ đã quy định theo Quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trong trường hợp phải sử dụng công với các chỉ tiêu cao hơn chỉ tiêu thiết kế hoặc điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của công trình thì cơ quan quản lý vận hành phải tiến hành tính toán, đánh giá khả năng đáp ứng của công trình theo các chỉ tiêu điều chỉnh để đảm bảo an toàn. Việc điều chỉnh phải tham vấn ý kiến của cơ quan tư vấn kỹ thuật (nếu cần) và được cơ quan quản lý cấp trên chấp thuận - phê duyệt, mới được cho công trình làm việc theo các chỉ tiêu, chức năng điều chỉnh.

c) Trường hợp bất thường ngoài quy trình vận hành đã được phê duyệt, như xảy ra các tình huống thiên tai bất thường (bão, lũ lớn, ngập úng,...) vượt quá tần suất và cấp thiết kế công trình, thì đơn vị quản lý vận hành phải tham mưu, báo cấp thẩm quyền quyết định về vận hành công trình trong thời điểm hiện tại.

d) Trong quá trình sử dụng công nếu xảy ra sự cố, người quản lý phải tìm mọi biện pháp xử lý và báo cáo khẩn cấp lên cơ quan quản lý cấp trên và chính quyền địa phương sở tại để tìm biện pháp giải quyết cấp bách, kịp thời.

e) Đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công có trách nhiệm quyền hạn quản lý công theo quy trình, quy định vận hành.

f) Các cá nhân hoặc cơ quan khác không được ra lệnh hoặc tự tiện đóng mở công.

2. Nguyên tắc vận hành đóng, mở cửa công

Mọi hoạt động liên quan đến vận hành công phải đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và phải tuân thủ các quy định về pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và kỹ thuật có liên quan đến công trình. Việc vận hành được thực hiện thống nhất trong từng nhóm công theo phân loại, phân cấp quản lý công trình.

a) Hoạt động của cửa công được điều khiển thông qua hệ thống máy đóng mở.

b) Công tác vận hành của công phải hết sức cẩn trọng, thực hiện theo đúng các bước đã hướng dẫn trong quy trình vận hành này.

* Vận hành mở cửa công

c) Khảo sát kiểm tra toàn bộ hệ thống cửa công, hệ thống thiết bị đóng mở cho việc mở cửa công.

d) Quá trình kiểm tra khảo sát nếu phát hiện có vấn đề liên quan đến an toàn vận hành cửa công như: Hệ thống máy đóng mở bị trục trặc (mất điện, kẹt trục, hỏng động cơ...), có vật nổi có thể gây kẹt cửa và các thiết bị liên quan thì sớm tiến hành khắc phục để phục vụ việc mở cửa công được an toàn.

e) Sau khi công tác kiểm tra và chuẩn bị đã hoàn tất tiến hành mở cửa công bằng hệ thống máy đóng mở, cửa công được nâng lên vị trí mở và tiến hành lắp chốt neo giữ cửa công.

* Vận hành đóng cửa công

f) Khi cửa đang được giữ bằng chốt neo ở vị trí mở. Tiến hành khảo sát kiểm tra toàn bộ hệ thống cửa công, hệ thống thiết bị đóng mở, cụm neo để chuẩn bị sẵn sàng cho việc đóng công.

g) Quá trình kiểm tra khảo sát nếu phát hiện có vấn đề liên quan đến an toàn vận hành cửa công như: Hệ thống máy đóng mở bị trục trặc (mất điện, kẹt trục, hỏng động cơ...), có vật nổi có thể gây kẹt cửa và các thiết bị liên quan thì cần tiến hành khắc phục để phục vụ việc đóng cửa công được an toàn.

h) Sau khi công tác kiểm tra và chuẩn bị đã hoàn tất tiến hành tiến hành tháo chốt neo giữ cửa sau đó hạ cửa công bằng hệ thống máy đóng mở, cửa công được hạ xuống vị trí đóng hoàn toàn.

** Những điều cần chú ý trong vận hành cửa van*

i) Khi vận hành cần biết rõ mực nước ở ngoài sông và trong đồng dựa trên thủy chí của công trình.

j) Hệ thống ánh sáng đảm bảo an toàn cho người quản lý có thể vận hành (đóng mở khóa) trong đêm tối.

k) Theo dõi, nắm bắt thông tin kịp thời từ bản tin dự báo thủy văn của cơ quan chức năng để vận hành cửa van được hiệu quả và đảm bảo an toàn cho công trình.

3. Quy định về thời đoạn vận hành theo mùa

a) Thời gian vận hành Mùa lũ: Từ ngày 15/6 đến ngày 31/10.

b) Thời gian vận hành Mùa kiệt: Từ ngày 01/11 đến ngày 14/6 năm sau.

4. Quy định mực nước báo động trên các sông và tại vị trí các cống:

a) Mực nước báo động các sông liên quan đến địa bàn tỉnh Bắc Ninh được trích dẫn theo Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước”.

Bảng 1. Mực nước cấp báo động lũ tại các trạm thủy văn trên các sông chảy qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

STT	Trạm thủy văn	Sông	Mực nước tương ứng với các cấp báo động (m)		
			I	II	III
1	Thượng Cát	Đuống	9,0	10,0	11,0
2	Bến Hồ	Đuống	6,8	7,5	8,4
3	Phúc Lộc Phương	Cầu + Cà Lồ	6,0	7,0	8,0
4	Đáp Cầu	Cầu	4,3	5,3	6,3
5	Phả Lại	Thái Bình	4,0	5,0	6,0

b) Các đơn vị quản lý, khai thác công sử dụng số liệu dự báo mực nước lũ tại các trạm thủy văn sau đây để làm cơ sở vận hành công trong mùa lũ. Cụ thể:

b1) Tuyến sông Đuống: sử dụng mực nước tại trạm thủy văn Bến Hồ để xác định mực nước lũ tương ứng tại vị trí các cống trên tuyến.

b2) Tuyến sông Cầu: sử dụng mực nước tại trạm thủy văn Đáp Cầu và Phúc Lộc Phương để xác định mực nước lũ tương ứng tại vị trí các cống trên tuyến.

b3) Tuyến sông Cà Lồ: sử dụng mực nước tại trạm thủy văn Phúc Lộc Phương để xác định mực nước lũ tương ứng tại vị trí các cống trên tuyến.

b4) Tuyến sông Thái Bình: sử dụng mực nước tại trạm thủy văn Phả Lại để xác định mực nước lũ tương ứng tại vị trí các cống trên tuyến.

c) Mức nước báo động của các công dưới đê được xác định là mức nước tương ứng với cấp báo động mức nước tại trạm thủy văn gần nhất trên cùng tuyến sông trong vùng ảnh hưởng đến công. Mức nước báo động tại vị trí các công được quy định tại *Phụ lục 1* kèm theo Quy trình này.

Điều 3. Phân loại công trình và phân cấp quản lý công dưới đê

1. Phân loại công theo nhiệm vụ công trình

a) Công dưới đê chuyên tưới: Công chỉ có nhiệm vụ lấy nước từ ngoài sông vào hệ thống khi có nhu cầu tưới khi đủ điều kiện vận hành cho phép về mức nước và chất lượng nước.

b) Công dưới đê chuyên tiêu: Công chỉ có nhiệm vụ tiêu, thoát nước ra ngoài sông khi hệ thống có nhu cầu tiêu khi đảm bảo đủ điều kiện vận hành tiêu nước.

c) Các công trình công dưới đê khác: Công làm nhiệm vụ tưới, tiêu kết hợp; Công thông, chuyển nước giữa trong đồng và ngoài đê trong phạm vi bảo vệ của đê bồi.

2. Phân loại công theo cơ chế hoạt động

a) Công dưới đê hoạt động tưới, tiêu tự chảy.

b) Công dưới đê hoạt động theo yêu cầu vận hành của trạm bơm.

3. Phân cấp quản lý công trình công dưới đê

Việc phân cấp quản lý công dưới đê phải đảm bảo an toàn và khai thác có hiệu quả các công trình công dưới đê trong việc tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường. Cụ thể:

** Nguyên tắc tổ chức quản lý các công dưới đê:*

a) Quản lý nhà nước về hệ thống các công trình công dưới đê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan. Tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động của các đơn vị khai thác, vận hành công trình:

- Các công gắn với hệ thống đê từ Cấp III trở lên và các công trạm bơm trên tuyến đê bồi, đê bao phân cấp cho Tỉnh quản lý.

- Các công tự chảy trên tuyến đê bồi, đê bao, phân cấp cho huyện/thị xã/thành phố quản lý.

b) Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và người dân trong việc tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ, nhằm phát huy hiệu quả công trình.

** Danh mục công trình công phân cấp quản lý:*

c) Danh mục công trình công dưới đê do UBND tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ quản lý công trình quy định tại *Phụ lục 2* kèm theo Quy trình này.

d) Danh mục công trình công dưới đê phân cấp cho UBND cấp huyện quản lý, Phòng Nông nghiệp và PTNT (Kinh tế) cấp huyện làm chủ quản lý công trình quy định tại *Phụ lục 3* kèm theo Quy trình này.

Chương II VẬN HÀNH CÔNG DƯỚI ĐÊ TỰ CHẢY

Điều 4. Công tự chảy vận hành tưới, cấp nước

1. Vận hành lấy nước tự chảy trong mùa kiệt

Căn cứ vào cao độ điều hành quy định cho từng công tại *Phụ lục 4*.

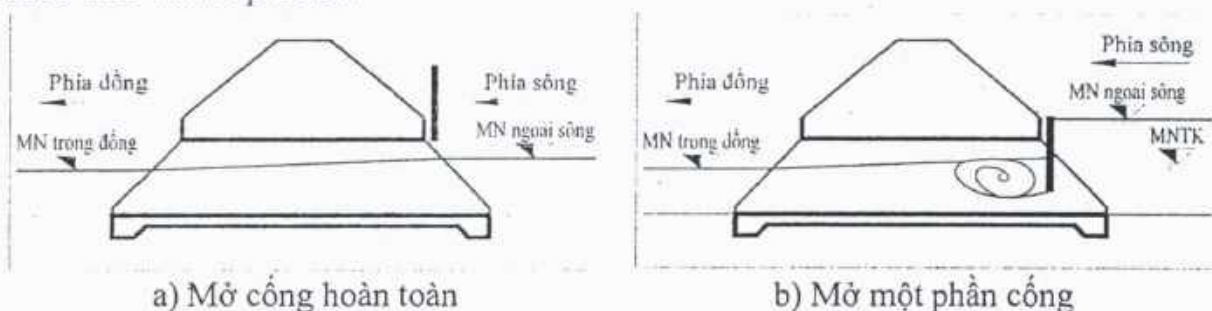
a) Khi mực nước ngoài sông thấp hơn cao độ điều hành, công không thể lấy được nước, cửa công phải ở trong trạng thái đóng.

b) Khi mực nước ngoài sông cao hơn cao độ điều hành, công đang trong trạng thái đóng, quan sát thủy chí ở trong đồng và ngoài sông:

- Nếu mực nước ở trong đồng cao hơn mực nước ngoài sông, không được mở cửa công.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông và mực nước ngoài sông thấp hơn mực nước thiết kế (MN kiệt 85%, quy định cho từng công ở *Phụ lục 4*): Mở cửa công hoàn toàn.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông và mực nước ngoài sông cao hơn mực nước thiết kế (MN kiệt 85%, quy định cho từng công ở *Phụ lục 4*): Mở một phần cửa công. Tùy thuộc mức độ chênh lệch mực nước ngoài sông và mực nước trong đồng, có thể quyết về định độ mở cửa công phù hợp để đảm bảo lấy được nước theo lưu lượng lấy nước thiết kế hoặc theo nhu cầu cấp nước.



Hình 1. Sơ đồ vận hành công tưới, cấp nước tự chảy trong mùa kiệt.

2. Vận hành lấy nước tự chảy trong mùa lũ

a) Nguyên tắc chung: tất cả các công tưới, cấp nước phải trong trạng thái đóng hoàn toàn khi vào mùa lũ.

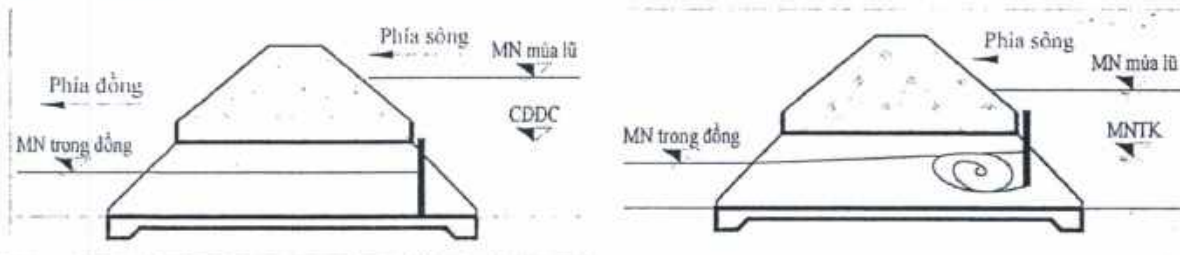
b) Trong mùa lũ, khi có nhu cầu lấy nước, việc vận hành mở công để lấy nước cần theo dõi tình trạng của thủy chí ở trong đồng và ngoài sông và kết hợp chặt chẽ với các bản tin dự báo khí tượng thủy văn:

- Nếu mực nước ở trong đồng cao hơn mực nước ngoài sông, không được mở cửa công.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông và mực nước ngoài sông thấp hơn mực nước thiết kế (MN kiệt 85%, quy định cho từng công ở *Phụ lục 4*): Mở cửa công hoàn toàn.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông; mực nước ngoài sông cao hơn mực nước thiết kế (MN kiệt 85%, quy định cho từng công ở *Phụ lục 4*): Mở một phần cửa công. Tùy thuộc mức độ chênh lệch mực nước ngoài sông và mực nước trong đồng, có thể quyết định về độ mở cửa công phù hợp để đảm bảo lấy được nước theo lưu lượng lấy nước thiết kế hoặc theo nhu cầu cấp nước. Kết hợp theo dõi bản tin dự báo khí tượng thủy văn về xu hướng tăng lên hay giảm xuống của mực nước ngoài sông để điều chỉnh độ mở của công.

- Nếu mực nước trong đồng cao hơn đỉnh công (quy định cho từng công theo *Phụ lục 4*) và thấp hơn mực nước ngoài sông, công chảy trong tình trạng có áp: hạn chế mở công lấy nước và phải liên tục theo dõi tình trạng của công trong quá trình lấy nước.



a) Công trong trạng thái đóng hoàn toàn

b) Mở một phần cửa công

Hình 2. Sơ đồ vận hành công tưới, cấp nước tự chảy trong mùa lũ.

3. Vận hành khi có thông tin dự báo có bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn gây úng (mưa, lũ, bão):

Nguyên tắc điều hành: tất cả các công tưới, cấp nước phải đóng hoàn toàn để đảm bảo an toàn cho đê và cho bản thân công trình.

4. Với các công lấy nước có lắp cửa van tự động ở phía trong đồng, cần đặc biệt theo dõi tình trạng cửa phai cường bức phía sông tuân thủ đúng các Điều 4 mục 2 và Điều 4 mục 3 ở trên.

(Danh mục công dưới đê vận hành tự chảy lấy nước tưới xem tại Phụ lục 4)

Điều 5. Công tự chảy vận hành tiêu, thoát nước

1. Vận hành tiêu, thoát nước tự chảy trong mùa kiệt

Căn cứ vào cao độ điều hành quy định cho từng công *Phụ lục 5*.

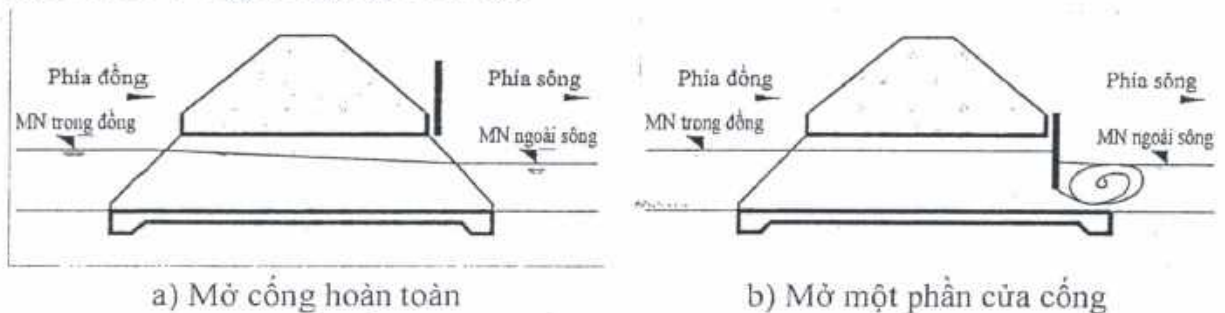
a) Khi mực nước ngoài sông thấp hơn cao độ điều hành, công thực hiện nhiệm vụ tiêu nước thường xuyên, cửa công phải ở trong trạng thái mở.

b) Khi mực nước ngoài sông cao hơn cao độ điều hành, công đang trong trạng thái mở, quan sát thủy chí ở trong đồng và ngoài sông:

- Nếu mực nước ở trong đồng cao hơn mực nước ngoài sông, cửa công mở hoàn toàn. Nếu cần duy trì lớp nước tối thiểu trong kênh tiêu để giữ nước và cải thiện môi trường, đóng một phần cửa công.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông, cửa cống phải đóng hoàn toàn.

Ghi chú: Trong thời gian cống đóng, nếu xảy ra ngập úng cục bộ do dòng nước chủ động vận hành mở cống để tiêu, thoát nước theo điều kiện chênh lệch mực nước trong đồng, ngoài sông.



Hình 3. Sơ đồ vận hành cống tiêu, thoát nước tự chảy trong mùa kiệt.

2. Vận hành tiêu, thoát nước tự chảy trong mùa lũ

a) Nguyên tắc chung: tất cả các cống không thực hiện nhiệm vụ tiêu, thoát nước phải đóng lại khi vào mùa lũ.

b) Khi mực nước ngoài sông cao hơn cao độ điều hành, cống đang trong trạng thái đóng, quan sát thủy chí ở trong đồng và ngoài sông:

- Nếu mực nước ở trong đồng cao hơn mực nước ngoài sông, cửa cống mở hoàn toàn. Nếu cần duy trì lớp nước tối thiểu trong kênh tiêu để giữ nước và cải thiện môi trường, đóng một phần cửa cống.

- Nếu mực nước ở trong đồng thấp hơn mực nước ngoài sông, không được phép mở cửa cống.

- Nếu mực nước trong đồng cao hơn mực nước ngoài sông và cao hơn đỉnh cống (quy định cho từng cống theo *Phụ lục 5*), cống chảy trong tình trạng có áp khi mở cống phải liên tục theo dõi tình trạng của cống trong quá trình tiêu thoát nước.

Ghi chú: Căn cứ cao độ của khu tiêu; kích thước, cao độ của các kênh tiêu; mực nước đê trong kênh tiêu để quyết định độ mở của cống. Mực nước đê được điều chỉnh theo điều kiện thời tiết như sau:

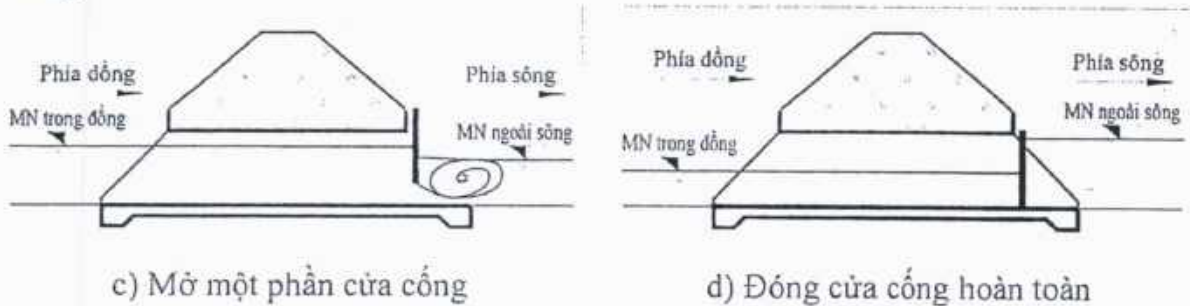
- Khi không có mưa: cần duy trì lớp nước tối thiểu trong kênh tiêu bằng mực nước thiết kế để giữ nước và cải thiện môi trường.

- Khi dự báo có mưa nhỏ: tiêu nước đê để giảm mực nước trong kênh tiêu xuống dưới mực nước thiết kế.

- Khi dự báo có mưa lớn: tháo hết lượng nước trong kênh tối đa (phụ thuộc vào mực nước ngoài sông tại thời điểm tháo nước).

- Trong thời gian các cống mở tiêu, nếu khu vực hưởng lợi có nhu cầu lấy nước phục vụ sản xuất, vận hành đóng cống. Sau khi đáp ứng đủ nhu cầu

dùng nước, tiếp tục mở tiêu nước để đảm bảo việc tiêu thoát chung của cả hệ thống.



c) Mở một phần cửa cống

d) Đóng cửa cống hoàn toàn

Hình 4. Sơ đồ vận hành cống tiêu, thoát nước tự chảy trong mùa lũ.

3. Vận hành khi có thông tin dự báo có mưa lớn diện rộng gây ngập úng hoặc bão lũ ảnh hưởng đến khu vực hoạt động của cống:

a) Gạn tháo, mở tiêu nước đệm triệt để trong hệ thống trước khi có bão, lũ xảy ra.

b) Mở tiêu nước tối đa trong thời gian xảy ra mưa lớn khi mực nước ngoài sông thấp hơn mực nước trong đồng.

c) Đóng tất cả các cống dưới đê để đảm bảo an toàn cho đê và công trình khi mực nước ngoài sông cao hơn mực nước tiêu trong đồng của cống.

4. Với các cống tiêu nước có lắp cửa van tự động ở phía ngoài sông, cần đặc biệt theo dõi tình trạng cửa phai cường bức tuân thủ đúng các điều 5.2 và 5.3 ở trên.

(Danh mục cống dưới đê vận hành tự chảy tiêu nước xem tại Phụ lục 5)

Điều 6. Cống tự chảy vận hành tưới/ tiêu kết hợp

Căn cứ vào yêu cầu sử dụng cống (tưới, cấp nước/tiêu, thoát nước) và thời điểm khai thác sử dụng công trình (mùa lũ/mùa kiệt/lũ, bão, mưa lớn...) để áp dụng quy trình vận hành cống theo các quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 ở trên.

(Danh mục cống dưới đê vận hành tự chảy tưới - tiêu kết hợp tại Phụ lục 6)

Điều 7. Cống tự chảy vận hành thông nước

Các cống nằm dưới đê chính, trong vùng bảo vệ của đê-bồi, hoạt động không phụ thuộc vào mực nước ngoài sông:

a) Cống vận hành đóng mở theo yêu cầu của hệ thống thủy nông.

b) Vào mùa lũ nếu không có yêu cầu hoạt động, cống phải trong trạng thái đóng hoàn toàn.

(Danh mục cống dưới đê vận hành tự chảy thông nước tại Phụ lục 7)

Điều 8. Vận hành tiêu nước ô nhiễm và xử lý sự cố môi trường

a) Vận hành tiêu nước ô nhiễm định kỳ: các cống chủ động vận hành tiêu nước ô nhiễm định kỳ tùy thuộc yêu cầu giảm tình trạng ô nhiễm nguồn nước.

Các công vận hành luân phiên để không làm gia tăng ô nhiễm trên các sông, kênh trong khu vực.

b) Vận hành khi xảy ra sự cố môi trường: khi xảy ra sự cố môi trường/nguồn nước bị ô nhiễm thì tiến hành khoanh vùng, xử lý sự cố tại khu vực đó, sau đó vận hành mở tiêu nước các công liên quan đến khu vực xảy ra ô nhiễm; khi chất lượng nước trở lại bình thường, các công được mở tự do như trạng thái ban đầu.

Chương III VẬN HÀNH CÔNG DƯỚI ĐÊ THEO TRẠM BƠM

Điều 9. Công trạm bơm vận hành tưới, cấp nước

1. Vận hành lấy nước trong mùa kiệt:

a) Mở công theo yêu cầu hoạt động của trạm bơm tưới.

b) Đóng công khi trạm bơm không hoạt động.

2. Vận hành lấy nước trong mùa lũ:

a) Nguyên tắc an toàn: tất cả các công qua đê phải đóng lại khi vào mùa lũ.

b) Khi có nhu cầu lấy nước, mực nước ngoài sông nhỏ hơn cao trình điều hành công, có thể mở công theo yêu cầu hoạt động của trạm bơm tưới.

3. Vận hành khi có thông tin dự báo có bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn gây úng (mưa, lũ, bão):

Đóng tất cả các công dưới đê để đảm bảo an toàn cho đê và công trình chỉ hoạt động cùng trạm bơm khi thỏa mãn Điều 8 mục 2 ở trên.

*(Danh mục công dưới đê vận hành tưới, cấp nước theo trạm bơm
tại Phụ lục 8)*

Điều 10. Công trạm bơm vận hành tiêu, thoát nước

1. Vận hành tiêu nước trong mùa kiệt:

a) Mở công theo yêu cầu hoạt động của trạm bơm tiêu.

b) Đóng công khi trạm bơm không hoạt động.

2. Vận hành tiêu nước trong mùa lũ:

a) Khi có nhu cầu tiêu nước, mực nước ngoài sông nhỏ hơn cao trình điều hành công, có thể mở công theo yêu cầu hoạt động của trạm bơm tiêu.

b) Đóng công khi trạm bơm không hoạt động.

3. Vận hành khi có thông tin dự báo có bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn gây úng (mưa, lũ, bão):

Đóng tất cả các cống dưới đê để đảm bảo an toàn cho đê và công trình chỉ hoạt động cùng trạm bơm khi thỏa mãn Điều 9 mục 2 ở trên.

(Danh mục cống dưới đê vận hành tiêu nước theo trạm bơm tại Phụ lục 9)

Điều 11. Cống trạm bơm vận hành tưới/ tiêu kết hợp

Căn cứ vào yêu cầu sử dụng cống (tưới, cấp nước/tiêu, thoát nước) và thời điểm khai thác sử dụng công trình (mùa lũ/mùa kiệt/lũ, bão, mưa lớn...) để áp dụng quy trình vận hành cống theo các quy định tại Điều 9 hoặc Điều 10 ở trên.

(Danh mục cống dưới đê vận hành tưới, tiêu kết hợp theo trạm bơm tại Phụ lục 10)

Chương IV QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 12. Quy định các trạm, điểm đo và theo dõi mực nước

a) Đơn vị vận hành khai thác cống có trách nhiệm phải thu thập, quan trắc, đo đạc, lập sổ theo dõi mực nước và các yếu tố khí tượng thủy văn khác theo quy phạm, tiêu chuẩn ngành hiện hành tại các vị trí trước và sau cống.

b) Hàng năm đơn vị vận hành khai thác cống phải tiến hành đo đạc diễn biến mực nước sông, kênh chính liên quan đến cống để thu thập số liệu phục vụ cho quá trình vận hành.

c) Trong quá trình vận hành, đơn vị vận hành khai thác có thể đề xuất, báo cáo cơ quan quản lý cống điều chỉnh, bổ sung các vị trí quan trắc cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Điều 13. Quy định chế độ quan trắc, báo cáo và lưu trữ tài liệu

a) Chế độ quan trắc, báo cáo do đơn vị quản lý, khai thác cống thực hiện theo các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo phục vụ vận hành và đảm bảo sản xuất.

b) Các tài liệu quan trắc hàng năm phải được chỉnh lý và lưu trữ, một bản tại trạm, một bản tại đơn vị quản lý, khai thác công trình.

Chương V TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy trình này.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả hệ thống công trình cống dưới đê, triển khai các giải pháp ứng phó trong trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố đối với công trình.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương và các đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ các cống dưới đê thực hiện Quy trình vận hành.

c) Phối hợp giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành.

d) Thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh để xử lý kịp thời các sự cố xảy ra.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy trình vận hành cống trên địa bàn.

b) Xây dựng phương án ứng phó, phải huy động vật tư, phương tiện, nhân lực và phối hợp chỉ đạo để xử lý ngay khi xảy ra sự cố công trình.

c) Xây dựng phương án phòng chống thiên tai và trực tiếp điều hành công tác phòng chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn.

d) Thường xuyên phối hợp, kiểm tra, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình hoặc ảnh hưởng đến quá trình vận hành cống theo thẩm quyền.

3. Các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ cống

a) Quản lý, vận hành các cống theo quy trình vận hành và theo phân cấp quản lý, đảm bảo an toàn, hiệu quả công trình.

b) Hàng năm lập kế hoạch vận hành cống dưới đê theo đúng Quy trình. Thường xuyên quan trắc, kiểm tra các cống.

c) Xây dựng phương án bảo vệ, đảm bảo an toàn công trình. Chuẩn bị vật tư, phương tiện, nhân lực, phương án phòng chống thiên tai theo nhiệm vụ được phân công.

d) Trường hợp có sự cố xảy ra thì có trách nhiệm báo cáo trực tiếp lên cơ quan quản lý cấp trên.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình vận hành công trình cống dưới đê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

2. Các Sở ngành, đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy trình này.

Điều 17. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành công dưới đê

Trong trường hợp quản lý vận hành thực tế phát sinh các vấn đề chưa phù hợp có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công, hoặc nhiệm vụ công thay đổi, đơn vị quản lý vận hành đề xuất sửa đổi, bổ sung quy trình. Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh. Nguyên tắc như sau:

- a) Quy trình vận hành sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với nhiệm vụ công trình.
- b) Quy trình vận hành sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo an toàn chung của hệ thống.

Điều 18. Mối quan hệ giữa các Bộ, ngành và cơ quan chủ quản, địa phương về công tác quản lý công dưới đê

Công dưới đê ngoài nhiệm vụ phục vụ tưới, tiêu, sinh hoạt còn có nhiệm vụ rất quan trọng là ngăn và chống lũ như đê đất, đê bê tông, vì vậy công tác quản lý bảo vệ công dưới đê phải gắn liền với quản lý bảo vệ đê.

Đối với hệ thống công dưới đê trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay, ngoài địa phương trực tiếp quản lý còn có các cơ quan chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý về an toàn chống lụt bão; Cục Thủy lợi chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý về phân phối sử dụng nước trên toàn hệ thống.

UBND tỉnh Bắc Ninh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đầu mối, có trách nhiệm liên hệ với các Bộ, ngành để thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý, vận hành công theo các quy định hiện hành.

Điều 19. Hình thức xử lý vi phạm quy trình vận hành công dưới đê theo quy định của pháp luật

Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 1:
MỨC NƯỚC TƯƠNG ỨNG CẤP BẢO ĐỘNG LŨ TẠI VỊ TRÍ CÁC CỐNG
 (Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Mức nước báo động (m)		
						BĐ1	BĐ2	BĐ3
I		Tuyến sông Thái Bình						
1	HTB-1	Cống TB Kênh Vàng 1	K3+070	Hữu Thái Bình	Lương Tài	3,45	4,45	4,95
2	HTB-2	Cống TB Kênh Vàng 2	K3+170	Hữu Thái Bình	Lương Tài	3,45	4,45	4,95
3	HTB-3	Cống TB Nhất Trai	K6+970	Hữu Thái Bình	Lương Tài	3,25	4,25	4,75
4	HTB-4	Cống TB Văn Thái A	K9+610	Hữu Thái Bình	Lương Tài	3,16	4,16	4,66
5	HTB-5	Cống tiêu tự chảy Văn Thái	K9+680	Hữu Thái Bình	Lương Tài	3,16	4,16	4,66
II		Tuyến sông Đuống						
6	HĐ-1	Cống TB Phú Mỹ	K25+520	Hữu Đuống	Thuận Thành	7,30	8,07	8,99
7	HĐ-2	Cống Đại Đồng Thành	K28+500	Hữu Đuống	Thuận Thành	7,07	7,81	8,72
8	HĐ-3	Cống TB Môn Quảng	K37+540	Hữu Đuống	Gia Bình	6,00	6,78	7,66
9	HĐ-4	Cống TB Vạn Ninh	K50+440	Hữu Đuống	Gia Bình	4,51	5,44	6,28
10	TĐ-1	Cống lấy nước TB Tri Phương II.1	K22+337	Tả Đuống	Tiên Du	7,58	8,39	9,32
11	TĐ-2	Cống xả tiêu TB Tri Phương II.1	K22+402	Tả Đuống	Tiên Du	7,58	8,39	9,32
12	TĐ-3	Cống Tri Phương	K24+412	Tả Đuống	Tiên Du	7,44	8,22	9,15
13	TĐ-4	Cống Sộp	K26+925	Tả Đuống	Tiên Du	7,27	8,04	8,96
14	TĐ-5	Cống Tân Chi	K31+160	Tả Đuống	Tiên Du	6,96	7,69	8,59
15	TĐ-6	Cống Xả T.B Hán Quảng	K37+930	Tả Đuống	Quế Võ	6,35	7,10	7,98
16	TĐ-7	Cống Nhà máy nước Long Phương	K44+550	Tả Đuống	Quế Võ	5,63	6,45	7,32
17	TĐ-8	Cống Lấy nước T.B Thái Hòa	K44+955	Tả Đuống	Quế Võ	5,60	6,42	7,28
18	TĐ-9	Cống Xả T.B Thái Hòa	K45+030	Tả Đuống	Quế Võ	5,58	6,40	7,27
19	TĐ-10	Cống Văn Xá	K47+500	Tả Đuống	Quế Võ	5,34	6,19	7,04
20	TĐ-11	Cống Kênh Nam	K51+200	Tả Đuống	Quế Võ	4,98	5,86	6,71
21	TĐ-12	Cống Kênh 50	K53+200	Tả Đuống	Quế Võ	4,78	5,69	6,53
22	TĐ-13	Cống Bờ Trường	K53+800	Tả Đuống	Quế Võ	4,70	5,61	6,45
III		Tuyến sông Cầu						
23	HC-1	Cống trạm bơm Vọng Nguyệt	K31+750	Hữu Cầu	Yên Phong	5,81	6,81	7,81

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Mực nước báo động (m)		
						BĐ1	BĐ2	BĐ3
24	HC2	Công tiêu Vọng Nguyệt	K32+575	Hữu Cầu	Yên Phong	5,79	6,79	7,79
25	HC-3	Công Lương Tân	K34+780	Hữu Cầu	Yên Phong	5,65	6,65	7,65
26	HC-4	Công Trạm bơm chùa Thống Đông	K37+950	Hữu Cầu	Yên Phong	5,47	6,47	7,47
27	HC-5	Công trạm bơm Phù Cầm	K41+270	Hữu Cầu	Yên Phong	5,28	6,28	7,28
28	HC-6	Công Trạm Bơm Thọ Đức 1	K43+670	Hữu Cầu	Yên Phong	5,14	6,14	7,14
29	HC-7	Công tiêu Phần Động	K46+750	Hữu Cầu	Yên Phong	4,95	5,95	6,95
30	HC-8	Công trạm bơm Phần Động	K47+200	Hữu Cầu	Yên Phong	4,93	5,93	6,93
31	HC-9	Công Tiêu Vạn Phúc	K49+992	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,79	5,79	6,79
32	HC-10	Công tiêu TB Vạn An	K50+070	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,79	5,79	6,79
33	HC-11	Công tiêu TB Đặng Xá	K50+300	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,78	5,78	6,78
34	HC-12	Công tiêu Đặng Xá (5 cửa)	K50+540	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,78	5,78	6,78
35	HC-13	Công Xá TB Xuân Viên	K51+560	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,77	5,77	6,77
36	HC-14	Công Lấy nước Xuân Viên	K51+720	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,77	5,77	6,77
37	HC-15	Công Lấy nước TB Gò Sảnh	K52+200	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,74	5,74	6,74
38	HC-16	Công Tiêu Tây Hữu Chấp	K55+450	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,55	5,55	6,55
39	HC-17	Công Xá TB tưới Bến Đình	K56+200	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,51	5,51	6,51
40	HC-18	Công Xá TB tiêu Hữu Chấp	K56+800	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,47	5,47	6,47
41	HC-19	Công xá TB Hữu Chấp	K57+100	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,46	5,46	6,46
42	HC-20	Công Tiêu TB Cổ Mễ	K58+938	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,32	5,32	6,32
43	HC-21	Công tiêu Cổ Mễ	K58+990	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,31	5,31	6,31
44	HC-22	Công Tiêu Mễ Sơn	K59+555	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,30	5,30	6,30
45	HC-23	Công lấy nước trạm bơm Kim Đồi I	K61+705	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,28	5,28	6,29
46	HC-24	Công xá tiêu trạm bơm Kim Đồi I	K61+820	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,28	5,28	6,29
47	HC-25	Công xá tiêu trạm bơm Kim Đồi II	K63+140	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	4,27	5,27	6,28
48	HC-26	Công Xá T.B Việt Thống	K66+800	Hữu Cầu	Quế Võ	4,25	5,25	6,26
49	HC-27	Công Tiêu Cung Kiệm	K70+085	Hữu Cầu	Quế Võ	4,22	5,22	6,24

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Mực nước báo động (m)		
						BĐ1	BĐ2	BĐ3
50	HC-28	Cống Xả T.B Nhân Hòa	K70+190	Hữu Cầu	Quế Võ	4,22	5,22	6,24
51	HC-29	Cống Tưới Xuân Thủy	K73+300	Hữu Cầu	Quế Võ	4,20	5,20	6,22
52	HC-30	Cống T.B Quế Tân	K76+680	Hữu Cầu	Quế Võ	4,18	5,18	6,20
53	HC-31	Cống Xả T.B Hiền Lương	K81+750	Hữu Cầu	Quế Võ	4,14	5,14	6,17
54	HC-32	Cống Tiêu Hiền Lương	K82+200	Hữu Cầu	Quế Võ	4,14	5,14	6,17
IV		Tuyến sông Cà Lồ						
55	HCL-1	Cống Đò Lo	K9+072	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	6,01	7,01	8,00
56	HCL-2	Cống TB Yên hậu	K10+200	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	6,01	7,01	8,00
57	HCL-3	Cống TB Cầu Găng	K11+200	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	6,01	7,01	8,00
58	HCL-4	Cống Cầu Ma	K13+440	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	6,00	7,00	8,00
59	HCL-5	Cống Cầu Ma 2	K13+500	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	6,00	7,00	8,00
V		Các tuyến đê bồi						
V.1		Tuyến bồi hữu Đuống						
60	TTH-1	Cống Thị trấn Hồ	K0+700	bồi TTH	Thị Trấn Hồ	6,75	7,46	8,36
61	HT-1	Cống Hoài Thượng (TB)	K0+950	bồi HT	Hoài Thượng	6,67	7,39	8,28
62	HT-2	Cống Đầm Khánh	K1+500	bồi HT	Hoài Thượng	6,62	7,34	8,23
63	HT-3	Cống Bình Cầu (TB)	K3+150	bồi HT	Hoài Thượng	6,49	7,22	8,11
64	HT-4	Cống Đại Mão	K5+000	bồi HT	Hoài Thượng	6,26	7,02	7,90
65	HT-5	Cống Đại Mão (TB)	K5+050	bồi HT	Hoài Thượng	6,26	7,01	7,90
66	HT-6	Cống Đông Miếu (TB)	K5+350	bồi HT	Hoài Thượng	6,22	6,98	7,86
67	HT-7	Cống Đông Miếu	K5+450	bồi HT	Hoài Thượng	6,21	6,97	7,85
68	MĐ-1	Cống Thụy Mão (TB)	K0+200	Bồi Mão Điền	Mão Điền	6,17	6,93	7,81
69	MĐ-2	Cống Thụy Mão	K0+950	Bồi Mão Điền	Mão Điền	6,10	6,87	7,75
70	GS-1	Cống Lấy nước TB Môn Quảng	K0+300	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	5,99	6,78	7,65
71	GS-2	Cống Ngâm Mạc	K0+990	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	5,91	6,71	7,58
72	GS-3	Cống Tiêu Xá	K3+400	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	5,51	6,34	7,20
73	GS-4	Cống Hữu Ái	K4+500	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	5,34	6,19	7,04
74	GS-5	Cống Xả TB tiêu Giang Sơn	K6+330	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	5,23	6,09	6,94
75	SG-1	Cống Xả TB Song Giang	K4+600	Bồi Song Giang	Gia Bình	5,15	6,01	6,86
76	SG-2	Cống tiêu Song Giang	K4+650	Bồi Song Giang	Gia Bình	5,15	6,01	6,86

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Mức nước báo động (m)		
						BD1	BD2	BD3
77	SG-3	Công Lập Ái	K1+00	Bồi Song Giang	Gia Bình	5,63	6,45	7,32
V.2		<i>Tuyến bồi tả Đường</i>						
78	CH-1	Công Kê Tiên	K0+720	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	7,40	8,18	9,10
79	CH-2	Công Xoáy	K0+950	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	7,40	8,18	9,10
80	CH-3	Công Dền (Cảnh Hưng)	K2+300	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	7,27	8,04	8,96
81	ĐV-1	Công Thi Hôm	K0+600	Đào Viên	Quế Võ	4,98	5,86	6,71
82	ĐV-2	Công Làng Đông	K2+630	Đào Viên	Quế Võ	4,78	5,69	6,53
83	ĐV-3	Công Xả TB Long Khê	K3+700	Đào Viên	Quế Võ	4,70	5,61	6,45
84	ĐV-4	Công Châu Cầu	K6+030	Đào Viên	Quế Võ	4,46	5,40	6,23
V.3		<i>Tuyến bồi hữu Cầu</i>						
85	QC-1	Công trạm bơm Quả Cầm	K0+270	Bồi quả Cầm	TP Bắc Ninh	4,78	5,78	6,78
86	QC-2	Công đê bồi Quả Cầm	K0+273	Bồi quả Cầm	TP Bắc Ninh	4,78	5,78	6,78
87	ĐH-1	Công bồi Đâu hàn	K0+450	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	4,43	5,43	6,43
88	ĐH-2	Công Xóm Giữa	K1+250	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	4,37	5,37	6,37
89	ĐH-3	Công Kênh qua đê Đâu hàn	K1+900	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	4,34	5,34	6,34
V.4		<i>Tuyến bồi Ba Xã</i>						
90	BX-1	Công Đồng Sài 1	K1+050	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,13	5,13	6,16
91	BX-2	Công TB Đồng Sài	K1+800	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,13	5,13	6,15
92	BX-3	Công Đồng Sài 2	K2+150	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,13	5,13	6,15
93	BX-4	Công xả TB An Trạch	K2+850	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,12	5,12	6,15
94	BX-5	Công Sông Soi	K5+500	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,10	5,10	6,13
95	BX-6	Công Xả TB tiêu Phù Lãng	K7+200	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,09	5,09	6,12
96	BX-7	Công Phấn Trung	K7+400	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,09	5,09	6,12
97	BX-8	Công Hạ Giang	K8+300	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,08	5,08	6,12
98	BX-9	Công Trầm	K9+300	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,07	5,07	6,11
99	BX-10	Công Trục	K10+150	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,07	5,07	6,11
100	BX-11	Công xả TB Phúc Lộc	K10+750	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,07	5,07	6,11
101	BX-12	Công TB tưới Thịnh Lai	K11+450	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,06	5,06	6,10
102	BX-13	Công Phong Cốc	K13+985	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,01	5,01	6,02
103	BX-14	Công Cầu Kênh	K14+250	bồi Ba Xã	Quế Võ	3,98	4,98	5,96
104	BX-15	Công Phú Vân	K16+600	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,16	5,13	5,95
105	BX-16	Công Kiều Lương	K18+800	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,35	5,30	6,12
106	BX-17	Công Đường 18	K20+450	bồi Ba Xã	Quế Võ	4,46	5,40	6,23



Phụ lục 2:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐỀ DO UBND TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
I		Tuyến sông Thái Bình								
1	HTB-1	Công TB Kênh Vàng 1	K3+070	Hữu Thái Bình	Lương Tài	Tưới	Công TB	1*(2,2*2,5)*27	1,5	4,0
2	HTB-2	Công TB Kênh Vàng 2	K3+170	Hữu Thái Bình	Lương Tài	Tiêu	Công TB	3*(3*3,5)*22,2	1,0	4,5
3	HTB-3	Công TB Nhất Trai	K6+970	Hữu Thái Bình	Lương Tài	Tiêu	Công TB	2*(3,5*3,5)*28	0,7	4,2
4	HTB-4	Công TB Văn Thái A	K9+610	Hữu Thái Bình	Lương Tài	Tiêu	Công TB	3*(2*2,5)*40,25	1,3	3,8
5	HTB-5	Công tiêu tự chảy Văn Thái	K9+680	Hữu Thái Bình	Lương Tài	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	2*(2,2*2,5)*30,5	-2,4; -3,1	-0,6
II		Tuyến sông Đuống								
6	HD-1	Công Phú Mỹ	K25+520	Hữu Đuống	Thuận Thành	Tưới	Công TB	2*(2,2*3)*74	2,9	5,9
						Tiêu	Công tự chảy			
7	HD-2	Công Đại Đồng Thành	K28+500	Hữu Đuống	Thuận Thành	Tiêu	Công TB	2*(1,95*2,7)*37,2	6,8	9,6
8	HD-3	Công Môn Quảng	K37+540	Hữu Đuống	Gia Bình	Tưới	Công TB	1*(1,4*1,8)*33	2,8	4,6

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
						Tiêu	Công tự chảy			
9	HĐ-4	Công Vạn Ninh	K50+440	Hữu Đuống	Gia Bình	Tưới	Công TB	1*(2,0*1,8)*35	2,7	4,5
10	TĐ-1	Công lấy nước TB Tri Phương II.1	K22+337	Tả Đuống	Tiên Du	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	2*(2,5*3,0)	-1,9	1,1
11	TĐ-2	Công xả tiêu TB Tri Phương II.1	K22+402	Tả Đuống	Tiên Du	Tiêu	Công TB	3*(2,5*3,2)	4,85	8,05
12	TĐ-3	Công Tri Phương	K24+412	Tả Đuống	Tiên Du	Tiêu	Công TB	1*(2,2*2)*14,2	7,8	9,8
13	TĐ-4	Công Sộp	K26+925	Tả Đuống	Tiên Du	Công thông nước	Công tự chảy	1*(1,2*1,6)*48	3,0	4,6
14	TĐ-5	Công Tân Chi	K31+160	Tả Đuống	Tiên Du	Tiêu	Công TB	4*(2,65*2,5)*20	5,1	7,6
15	TĐ-6	Công Xả T.B Hán Quảng	K37+930	Tả Đuống	Quế Võ	Tiêu	Công TB	2*(2*2,5)*20,7	4,1	6,6
16	TĐ-7	Công Nhà máy nước Long Phương	K44+550	Tả Đuống	Quế Võ	Tưới	Công TB	2*(1,5*2,0)*74,6	-1,6	0,4
17	TĐ-8	Công Lấy nước T.B Thái Hòa	K44+955	Tả Đuống	Quế Võ	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	2*(1,7*1,8)*54,4	-1,8	0,0
18	TĐ-9	Công Xả T.B Thái Hòa	K45+030	Tả Đuống	Quế Võ	Tiêu	Công TB	1*(1,8*2)*27	2,5	4,5

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
19	TĐ-10	Công Vân Xá	K47+500	Tả Đuống	Quế Võ	Tưới	Công TB	1*(1,0*1,5)*32,2	3,5	5,0
20	TĐ-11	Công Kênh Nam	K51+200	Tả Đuống	Quế Võ	Công thông nước	Công tự chảy	1*(1,4*1,4)*20	2,8: 3	4,2
21	TĐ-12	Công Kênh 50	K53+200	Tả Đuống	Quế Võ	Công thông nước	Công tự chảy	$\phi = 0.60; L = 45$	2: 1.75	2,6
22	TĐ-13	Công Bờ Trường	K53+800	Tả Đuống	Quế Võ	Công thông nước	Công tự chảy	1*(1,0*1,4)*46	1,1: 1,2	2,5
III		Tuyến sông Cầu								
23	HC-1	Công trạm bơm Vọng Nguyệt	K31+750	Hữu Cầu	Yên Phong	Tiêu	Công TB	2*(1,8*3)*9	4,5	7,5
24	HC2	Công tiêu Vọng Nguyệt	K32+575	Hữu Cầu	Yên Phong	Tiêu	Công tự chảy	2*(1,5*2,2)*39,5	1,0	3,2
25	HC-3	Công Lương Tân	K34+780	Hữu Cầu	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(1,2*2,2)*18	4,7	6,9
26	HC-4	Công Trạm bơm chùa Thống Đông	K37+950	Hữu Cầu	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(1*1,4)*18	5,6	7,0
27	HC-5	Công trạm bơm Phù Cầm	K41+270	Hữu Cầu	Yên Phong	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	1*(1,2*1,2)*23	4,3	6,8
28	HC-6	Công Trạm Bơm Thọ Đức 1	K43+670	Hữu Cầu	Yên Phong	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	1*(2,5*2,6)*30,5	4,6	7,2
29	HC-7	Công tiêu Phán Động	K46+750	Hữu Cầu	Yên Phong	Tiêu	Công tự chảy	1*(2*2,4)*35	1,2	3,6

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
30	HC-8	Công trạm bơm Phán Động	K47+200	Hữu Cầu	Yên Phong	Tiêu	Công TB	1*(2,1*2,5)*13,5	2,7	5,2
31	HC-9	Công Tiêu Vạn Phúc	K49+992	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	2*(1,6*2)*41,3	2,0	4,0
32	HC-10	Công TB tiêu Vạn An	K50+070	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	3(1,6*2)*14	5,1	7,1
33	HC-11	Công Tiêu TB Đặng Xá	K50+300	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	3*(3*3)*10,6	5,2	8,2
34	HC-12	Công tiêu Đặng Xá(5cửa)	K50+540	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	[2*(3x3,21) + 3*(3.2*3,21)]*44,5	-0,8	2,4
35	HC-13	Công Xả TB Xuân Viên	K51+560	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	2*(1,9*2,1)*13,5	4,2	6,3
36	HC-14	Công Lấy nước Xuân Viên	K51+720	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	1 cửa D1000 L=44m	0,5	1,5
37	HC-15	Công Lấy nước TB Gò Sành	K52+200	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tưới	Công TB	1*(1,2*1,4)*17	5,5	6,9
38	HC-16	Công Tiêu Tây Hữu Chấp	K55+450	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,2*1,6)*45,9	0,6	2,2
39	HC-17	Công Xả TB tưới Bến Đình	K56+200	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tưới	Công TB	1*(f0,6)*20	5,3	5,9
40	HC-18	Công Xả TB tiêu Hữu Chấp	K56+800	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	2*(1,2*1,9)*25	5,1	7,0

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
41	HC-19	Công xả TB Hữu Chấp	K57+100	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	4*(2,5*3)*30,5	3,84	7,1
42	HC-20	Công Tiêu TB Cổ Mễ	K58+938	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	1*(1,2*1,8)*45	5,4	7,2
43	HC-21	Công tiêu Cổ Mễ	K58+990	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,2*1,3)*40	0,9	2,2
44	HC-22	Công Tiêu Mễ Sơn	K59+555	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(1*1,6)*44	1,0	2,6
45	HC-23	Công Lấy nước trạm bơm Kim Đồi I	K61+705	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	2*(2,2*2,5)*45	-1,0	1,5
46	HC-24	Công Xả TB tiêu trạm bơm Kim Đồi I	K61+820	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	2*(2,2*2,5)*45	1,7	4,2
47	HC-25	Công Xả TB tiêu trạm bơm Kim Đồi II	K63+140	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công TB	2*(2,0*2,5)*18,5	2,0	4,5
48	HC-26	Công Xả T.B Việt Thống	K66+800	Hữu Cầu	Quế Võ	Tiêu	Công TB	1*(1,6*1,7)*13	4,3	6,0
49	HC-27	Công Tiêu Cung Kiệm	K70+085	Hữu Cầu	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,5*2)*44,5	-0,2	1,8
50	HC-28	Công Xả T.B Nhân Hòa	K70+190	Hữu Cầu	Quế Võ	Tiêu	Công TB	1*(1,2*1,8)*16	4,8	6,6
51	HC-29	Công Tưới Xuân Thủy	K73+300	Hữu Cầu	Quế Võ	Tưới	Công TB	1*(1,0*0,8)*9	4,8	5,6

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
52	HC-30	Công T.B Quế Tân	K76+680	Hữu Cầu	Quế Võ	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	1*(2,4*2,5)*34,5	3,7	6,2
53	HC-31	Công Xà T.B Hiền Lương	K81+750	Hữu Cầu	Quế Võ	Tiêu	Công TB	3*(2,5,*2,5)*18	1,7	4,2
54	HC-32	Công Tiêu Hiền Lương	K82+200	Hữu Cầu	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	3*(2,75*3,0)*45	-1,4	1,6
IV		Tuyến sông Cà Lồ								
55	HCL-1	Công Đò Lo	K9+072	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(ø0,6)*17,5	7,0	7,6
56	HCL-2	Công TB Yên hậu	K10+200	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	Tưới	Công TB	2*(2,05*2,25)*23	4,4	6,6
57	HCL-3	Công TB Cầu Găng	K11+200	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(ø1,0)*20	6,1	7,1
58	HCL-4	Công Cầu Ma	K13+440	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(ø1,25)*33,5	5,1	6,4
59	HCL-5	Công Cầu Ma 2	K13+500	Hữu Cà Lồ	Yên Phong	Tưới	Công TB	1*(1,25*1,4)*31	5,0	6,4
V		Các tuyến đê bồi								
V.1		Tuyến bồi hữu Đuống								
60	HT-1	Công Hoài Thượng (TB)	K0+950	bồi HT	Hoài Thượng	Tưới	Công TB	1*(1,2*1,5)*14,5	5,95	7,45
61	HT-3	Công Bình Cầu (TB)	K3+150	bồi HT	Hoài Thượng	Tưới	Công TB	(0,6*0,6)	6,8	7,4

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
62	HT-5	Công Đại Mão (TB)	K5+050	bồi HT	Hoài Thượng	Tiêu	Công TB	1*(0,9*1,2)*8	6,8	8,0
63	HT-6	Công Đông Miếu (TB)	K5+350	bồi HT	Hoài Thượng	Tiêu	Công TB	1*(1*1,6)*6,5	6,2	7,8
64	MĐ-1	Công Thụy Mão (TB)	K0+200	Bồi Mão Điền	Mão Điền	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	(1,2*1,4)	6,3	7,7
65	GS-1	Công Lấy nước TB Môn Quảng	K0+300	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	Tưới	Công TB	1*(1,0*1,4)*34,6	-0,95	1,3
66	GS-4	Công Hữu Ái	K4+500	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	1*(1,0*1,4)*12	2,2	3,6
67	GS-5	Công Xả TB tiêu Giang Sơn	K6+330	Bồi Giang Sơn	Gia Bình	Tiêu	Công TB	1*(1,0*1,4)*27	6,5	7,9
68	SG-1	Công Xả TB Song Giang	K4+600	Bồi Song Giang	Gia Bình	Tiêu	Công TB	1*(0,9*1,4)*30	4,2	5,6
V.2		<i>Tuyến bồi từ Đuống</i>								
69	CH-1	Công Kê Tiên	K0+720	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	Tưới	Công TB	1*(0,8*1,2)*26	6,4	7,6
70	CH-2	Công Xoáy	K0+950	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	Tưới	Công TB	1*(0,8*1,2)*24	6,7	7,9
71	CH-3	Công Dền (Cảnh Hưng)	K2+300	bồi Cảnh Hưng	Tiên Du	Tưới	Công TB	1*(0,8*1,2)*50	5,1	6,3
72	ĐV-1	Công Thi Hôm	K0+600	Đào Viên	Quế Võ	Tưới	Công TB	1*(0,7*1)*23	3,6	4,6
73	ĐV-2	Công Làng Đông	K2+630	Đào Viên	Quế Võ	Tưới	Công TB	1*(0,6*1)*27	3,7	4,7
74	ĐV-3	Công Xả TB Long Khê	K3+700	Đào Viên	Quế Võ	Tiêu	Công TB	1*(1,4*1,7)*14	4,2	5,9
75	ĐV-4	Công Châu Cầu	K6+030	Đào Viên	Quế Võ	Tưới	Công TB	1*(0,8*1,2)*25	3,15	4,35

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
V.3		<i>Tuyến bồi hữu Cầu</i>								
76	QC-1	Cổng trạm bơm Quả Cầm	K0+270	Bồi quả Cầm	TP Bắc Ninh	Tiêu	Cổng TB	1*(0,7*0,7)*10	6,35	7,05
V.4		<i>Tuyến bồi Ba Xã</i>								
77	BX-2	Cổng TB Đồng Sài	K1+800	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tưới	Cổng TB	1*(0,5*1,2)*12,5		
78	BX-4	Cổng xả TB An Trạch	K2+850	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Cổng TB	1*(1,5*1,5)*12,5	4,65	6,15
79	BX-6	Cổng Xả TB tiêu Phù Lãng	K7+200	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Cổng TB	1*(1,2*1,4)*9,5	4,3	5,7
80	BX-11	Cổng xả TB Phúc Lộc	K10+750	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Cổng TB	2*(0,8*1,2)*19	5,2	6,4
81	BX-12	Cổng xả TB Thịnh Lai	K11+450	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tưới	Cổng TB	1*(0,8*1,2)*21,5	0,65	1,85
82	BX-15	Cổng Phú Vân	K16+600	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tưới	Cổng TB	1*(0,8*1,2)*17,5	4,0	5,2
83	BX-16	Cổng Kiểu Lương	K18+800	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tưới	Cổng TB	1*(0,8*1)	4,0	5,0
84	BX-17	Cổng Đường 18	K20+450	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tưới	Cổng TB	2*(1*1)	2,3	3,3

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Địa danh	Nhiệm vụ	Kiểu công	Kích thước công n(BxHxL)	Cao trình đáy công (m)	Cao trình đỉnh công (m)
10	QC-2	Công đê bồi Quả Cầm	K0+273	Bồi quả Cầm	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,0*1,2)*20,5	3,7	4,9
11	ĐH-1	Công bồi Đâu hàn	K0+450	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(0,6*0,9)*32	1,2	2,1
12	ĐH-2	Công Xóm Giữa	K1+250	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,2*1,5)*25	2,2	3,7
13	ĐH-3	Công Kênh qua đê Đâu hàn	K1+900	Bồi Đâu Hàn	TP Bắc Ninh	Tiêu	Công tự chảy	1*(0,8*1,4)*24	4,9	6,3
V.4		<i>Tuyến bồi Ba Xã</i>								
14	BX-1	Công Đồng Sài 1	K1+050	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,8*2)*39	0,9	2,9
15	BX-3	Công Đồng Sài 2	K2+150	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(2*2,3)*33	0,9	3,2
16	BX-5	Công Sóng Soi	K5+500	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,2*1,6)*37,55	0,5	2,1
17	BX-7	Công Phần Trung	K7+400	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1*1)*30	0,5	1,5
18	BX-8	Công Hạ Giang	K8+300	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(0,8*1,2)	0,7	1,9
19	BX-9	Công Trầm	K9+300	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(0,8*1)*29,5	0,7	1,7
20	BX-10	Công Trục	K10+150	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,5*1,75)*23	-0,1	1,7
21	BX-13	Công Phong Cốc	K13+985	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1,5*2,2)	-0,1	2,1
22	BX-14	Công Cầu Kênh	K14+250	bồi Ba Xã	Quế Võ	Tiêu	Công tự chảy	1*(1*2)	0,9	2,9

Phụ lục 4:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÊ
VẬN HÀNH TỰ CHẢY LẤY NƯỚC TƯỚI**

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)



TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành công (m)	Z sông tưới 85% (m)
1	SG-2	Công tiêu Song Giang	K4+650	Bồi Song Giang	Tưới	Công tự chảy	-1,0	0,08

Phụ lục 5:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÊ
VẬN HÀNH TỰ CHẢY TIÊU NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành công (m)	Mực nước tiêu 10% (m)
II		Tuyến sông Đuống						
1		Công Phú Mỹ	K25+520	Hữu Đuống	Tiêu	Công tự chảy	2,9	10,01
2		Công Môn Quảng	K37+540	Hữu Đuống	Tiêu	Công tự chảy	2,8	8,67
3	TĐ-10	Công Vân Xá	K47+500	Tả Đuống	Tiêu	Công tự chảy	3,5	7,93
III		Tuyến sông Cầu						
4	HC2	Công tiêu Vọng Nguyệt	K32+575	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	1,0	8,75
5	HC-7	Công tiêu Phần Động	K46+750	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	1,2	8,47
6	HC-9	Công Tiêu Vạn Phúc	K49+992	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	2,0	8,41
7	HC-12	Công tiêu Đặng Xá 5 cửa	K50+540	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	-0,8	8,41
8	HC-16	Công Tiêu Tây Hữu Chấp	K55+450	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	0,6	8,33
9	HC-21	Công tiêu Cổ Mễ	K58+990	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	0,9	8,25
10	HC-22	Công Tiêu Mễ Sơn	K59+555	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	1,0	8,24
11	HC-27	Công Tiêu Cung Kiệm	K70+085	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	-0,2	7,82
12	HC-32	Công Tiêu Hiền Lương	K82+200	Hữu Cầu	Tiêu	Công tự chảy	-1,4	7,36
V		Các tuyến đê bồi						
V.1		Tuyến bồi hữu Đuống						
13	TTH-1	Công Thị trấn Hồ	K0+700	bồi TTH	Tiêu	Công tự chảy	4,9	9,50
14	HT-2	Công Đàm Khánh	K1+500	bồi HT	Tiêu	Công tự chảy	5,0	9,35
15	HT-4	Công Đại Mão	K5+000	bồi HT	Tiêu	Công tự chảy	3,2	8,96
16	HT-7	Công Đông Miếu	K5+450	bồi HT	Tiêu	Công tự chảy	3,0	8,90
17	MĐ-2	Công Thụy Mão	K0+950	Bồi Mão Điền	Tiêu	Công tự chảy	3,7	8,78
18	GS-2	Công Ngãm Mạc	K0+990	Bồi Giang Sơn	Tiêu	Công tự chảy	3,45	8,57
19	GS-3	Công Tiêu Xá	K3+400	Bồi	Tiêu	Công	2,4	8,12

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành công (m)	Mức nước tiêu 10% (m)
				Giang Sơn		tự chảy		
20	GS-4	Công Hữu Ái	K4+500	Bồi Giang Sơn	Tiêu	Công tự chảy	2,2	7,93
V.3		<i>Tuyến bồi hữu Cầu</i>						
21	QC-2	Công đê bồi Quả Cầm	K0+273	Bồi quả Cầm	Tiêu	Công tự chảy	3,7	8,41
22	ĐH-1	Công bồi Đầu hàn	K0+450	Bồi Đầu Hàn	Tiêu	Công tự chảy	1,2	8,29
23	ĐH-2	Công Xóm Giữa	K1+250	Bồi Đầu Hàn	Tiêu	Công tự chảy	2,2	8,27
24	ĐH-3	Công Kênh qua đê Đầu hàn	K1+900	Bồi Đầu Hàn	Tiêu	Công tự chảy	4,9	8,26
V.4		<i>Tuyến bồi Ba Xã</i>						
25	BX-1	Công Đồng Sài 1	K1+050	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,9	7,33
26	BX-3	Công Đồng Sài 2	K2+150	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,9	7,28
27	BX-5	Công Sóng Soi	K5+500	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,5	7,14
28	BX-7	Công Phấn Trung	K7+400	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,5	7,06
29	BX-8	Công Hạ Giang	K8+300	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,7	7,03
30	BX-9	Công Trám	K9+300	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,7	6,99
31	BX-10	Công Trục	K10+150	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	-0,1	6,97
32	BX-13	Công Phong Cốc	K13+985	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	-0,1	6,74
33	BX-14	Công Cầu Kênh	K14+250	bồi Ba Xã	Tiêu	Công tự chảy	0,9	6,65

Phụ lục 6:
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÊ
 VẬN HÀNH TỰ CHẢY TƯỚI TIÊU KẾT HỢP**

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành công (m)	Z sông tiêu 10% (m)	Z sông tưới 85% (m)
1	HTB-5	Công tiêu tự chảy Văn Thai	K9+680	Hữu Thái Bình	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	-3,1	4,88	-0,39
2	TĐ-1	Công lấy nước TB Tri Phương II.1	K22+337	Tà Đuống	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	-1,9		
3	TĐ-8	Công Lấy nước T.B Thái Hòa	K44+955	Tà Đuống	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	-1,8	8,22	0,15
4	HC-14	Công Lấy nước Xuân Viên	K51+720	Hữu Cầu	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	0,5	8,21	0,07
5	HC-23	Công Lấy nước trạm bơm Kim Đồi I	K61+705	Hữu Cầu	Tưới tiêu kết hợp	Công tự chảy	-1,0		



Phụ lục 7:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÈ
VĂN HẠNH TỰ CHẢY THÔNG NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình đáy công (m)	Cao trình tràn công (m)
1	TĐ-4	Cống Sộp	K26+925	Tà Đuống	Cống thông nước	Cống tự chảy	3,0	4,6
2	TĐ-11	Cống Kênh Nam	K51+200	Tà Đuống	Cống thông nước	Cống tự chảy	2,8	4,2
3	TĐ-12	Cống Kênh 50	K53+200	Tà Đuống	Cống thông nước	Cống tự chảy	1,75	2,6
4	TĐ-13	Cống Bờ Trường	K53+800	Tà Đuống	Cống thông nước	Cống tự chảy	1,1	2,5
5	SG-3	Cống Lập Ái	K4+800	Bãi Song Giang	Cống thông nước	Cống tự chảy	3,4	4,3



Phụ lục 8:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÈ
VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC THEO TRẠM BOM**

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành (m)	MN sông tưới 85%
1	HTB-1	Công TB Kênh Vàng 1	K3+070	Hữu Thái Bình	Tưới	Công TB	4,8	-0,36
2	HD-1	Công Phú Mỹ	K25+520	Hữu Đuống	Tưới	Công TB	5,8	0,60
3	HD-3	Công Môn Quảng	K37+540	Hữu Đuống	Tưới	Công TB	2,8	0,22
4	HD-4	Công Vạn Ninh	K50+440	Hữu Đuống	Tưới	Công TB	2,7	-0,01
5	TĐ-7	Công Nhà máy nước Long Phương	K44+550	Tả Đuống	Tưới	Công TB	4,6	0,16
6	TĐ10	Công Vân Xá	K47+500	Tả Đuống	Tưới	Công TB	3,5	0,11
7	HC-3	Công Lương Tân	K34+780	Hữu Cầu	Tưới	Công TB	4,7	0,14
8	HC-4	Công Trạm bơm chùa Thống Đông	K37+950	Hữu Cầu	Tưới	Công TB	5,6	0,12
9	HC-15	Công Lấy nước TB Gò Sành	K52+200	Hữu Cầu	Tưới	Công TB	5,5	0,07
10	HC-17	Công Xá TB tưới Bến Đình	K56+200	Hữu Cầu	Tưới	Công TB	5,3	0,06
11	HC-29	Công Tưới Xuân Thủy	K73+300	Hữu Cầu	Tưới	Công TB	4,8	0,03
12	HCL-1	Công Đò Lo	K9+072	Hữu Cà Lồ	Tưới	Công TB	7,0	0,17
13	HCL-2	Công TB Yên hậu	K10+200	Hữu Cà Lồ	Tưới	Công TB	4,4	0,17
14	HCL-3	Công TB Cầu Găng	K11+200	Hữu Cà Lồ	Tưới	Công TB	6,1	0,17
15	HCL-4	Công Cầu Ma	K13+440	Hữu Cà Lồ	Tưới	Công TB	5,1	0,16
16	HCL-5	Công Cầu Ma 2	K13+500	Hữu Cà Lồ	Tưới	Công TB	5,0	0,16
17	HT-1	Công Hoài Thượng (TB)	K0+950	bồi HT	Tưới	Công TB	6,0	0,32
18	HT-3	Công Bình Cầu (TB)	K3+150	bồi HT	Tưới	Công TB	6,8	0,29
19	GS-1	Công Lấy nước TB Môn Quảng	K0+300	Bồi Giang Sơn	Tưới	Công TB	4,5	0,22
20	GS-4	Công Hữu Ái	K4+500	Bồi Giang Sơn	Tưới	Công TB	2,2	0,11
21	CH-1	Công Kê Tiên	K0+720	bồi Cảnh Hưng	Tưới	Công TB	6,4	0,65
22	CH-2	Công Xoáy	K0+950	bồi Cảnh Hưng	Tưới	Công TB	6,7	0,65

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành (m)	MN sông tưới 85%
23	CH-3	Cổng Dền (Cảnh Hưng)	K2+300	bồi Cảnh Hưng	Tưới	Cổng TB	5,1	0,59
24	ĐV-1	Cổng Thi Hâm	K0+600	Đào Viên	Tưới	Cổng TB	3,6	0,06
25	ĐV-2	Cổng Làng Đông	K2+630	Đào Viên	Tưới	Cổng TB	3,7	0,03
26	ĐV-4	Cổng Châu Cầu	K6+030	Đào Viên	Tưới	Cổng TB	3,2	-0,02
27	BX-2	Cổng TB Đông Sơn	K1+800	bồi Ba Xã	Tưới	Cổng TB	1,5	0,05
28	BX-11	Cổng TB tưới Thịnh Lai	K11+450	bồi Ba Xã	Tưới	Cổng TB	0,7	0,02
29	BX-14	Cổng Phú Vân	K16+600	bồi Ba Xã	Tưới	Cổng TB	4,0	-0,07
30	BX-15	Cổng Kiều Lương	K18+800	bồi Ba Xã	Tưới	Cổng TB	4,0	-0,04
31	BX-16	Cổng Đường 18	K20+450	bồi Ba Xã	Tưới	Cổng TB	2,3	-0,02

Phụ lục 9:
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÈ
 VẬN HÀNH TIÊU NƯỚC THEO TRẠM BƠM**

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành (m)
1	HTB-2	Công TB Kênh Vàng 2	K3+170	Hữu Thái Bình	Tiêu	Công TB	5,9
2	HTB-3	Công TB Nhất Trai	K6+970	Hữu Thái Bình	Tiêu	Công TB	6,6
3	HTB-4	Công TB Văn Thái A	K9+610	Hữu Thái Bình	Tiêu	Công TB	5,2
4	HD-2	Công Đại Đồng Thành	K28+500	Hữu Đuống	Tiêu	Công TB	9,0
5	TĐ-2	Công xả tiêu TB Tri Phương II.1	K22+402	Tả Đuống	Tiêu	Công TB	10,6
6	TĐ-3	Công Tri Phương	K24+412	Tả Đuống	Tiêu	Công TB	9,6
7	TĐ-5	Công Tân Chi	K31+160	Tả Đuống	Tiêu	Công TB	10,0
8	TĐ-6	Công Xả T.B Hán Quảng	K37+930	Tả Đuống	Tiêu	Công TB	8,5
9	TĐ-9	Công Xả T.B Thái Hòa	K45+030	Tả Đuống	Tiêu	Công TB	7,7
10	HC-1	Công trạm bơm Vọng Nguyệt	K31+750	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,8
11	HC-8	Công trạm bơm Phán Động	K47+200	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,3
12	HC-10	Công tiêu TB Vạn An	K50+070	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	9,5
13	HC-11	Công Tiêu TB Đặng Xá	K50+300	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	8,6
14	HC-13	Công Xả TB Xuân Viên	K51+560	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,7
15	HC-18	Công Xả TB tiêu Hữu Chấp	K56+800	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	6,8
16	HC-19	Công xả TB Hữu Chấp	K57+100	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,8
17	HC-20	Công Tiêu TB Cổ Mễ	K58+938	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,3
18	HC-24	Công Xả TB tiêu trạm bơm Kim Đôi I	K61+820	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	5,8
19	HC-25	Công Xả TB tiêu trạm bơm Kim Đôi II	K63+140	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	8,4
20	HC-26	Công Xả T.B Việt Thống	K66+800	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,2
21	HC-28	Công Xả T.B Nhân Hòa	K70+190	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,0
22	HC-31	Công Xả T.B Hiền Lương	K81+750	Hữu Cầu	Tiêu	Công TB	7,6

TT	Mã cống	Tên cống	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu cống	Cao trình điều hành (m)
23	HT-5	Cống Đại Mão (TB)	K5+050	bồi HT	Tiêu	Cống TB	8,3
24	HT-6	Cống Đông Miếu (TB)	K5+350	bồi HT	Tiêu	Cống TB	7,5
25	GS-5	Cống Xả TB tiêu Giang Sơn	K6+330	Bồi Giang Sơn	Tiêu	Cống TB	7,8
26	SG-1	Cống Xả TB Song Giang	K4+600	Bồi Song Giang	Tiêu	Cống TB	7,7
27	ĐV-3	Cống Xả TB Long Khê	K3+700	Đào Viên	Tiêu	Cống TB	6,9
28	QC-1	Cống trạm bơm Quả Cầm	K0+270	Bồi quả Cầm	Tiêu	Cống TB	8,4
29	BX-3	Cống xả TB An Trạch	K2+850	bồi Ba Xã	Tiêu	Cống TB	6,8
30	BX-5	Cống Xả TB tiêu Phù Lãng	K7+200	bồi Ba Xã	Tiêu	Cống TB	7,0
31	BX-10	Cống xả TB Phúc Lộc	K10+750	bồi Ba Xã	Tiêu	Cống TB	7,1

Phụ lục 10:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG DƯỚI ĐÊ
VẬN HÀNH TƯỚI, TIÊU KẾT HỢP THEO TRẠM BOM

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Mã công	Tên công	Km	Tuyến đê	Nhiệm vụ	Kiểu công	Cao trình điều hành tưới (m)	Cao trình điều hành tiêu (m)
1	HC-5	Công trạm bơm Phù Cầm	K41+270	Hữu Cầu	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	4,30	7,30
2	HC-6	Công Trạm Bơm Thọ Đức 1	K43+670	Hữu Cầu	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	4,60	8,10
3	HC-30	Công T.B Quế Tân	K76+680	Hữu Cầu	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	3,7	7,5
4	MĐ-1	Công Thụy Mão (TB)	K0+200	Bồi Mão Điện	Tưới tiêu kết hợp	Công TB	6,30	7,70